

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án TP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận xã Thuận An, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội và địa phận phường Từ Sơn, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh thuộc Dự án: Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về thủ đô Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã Phù Đổng)

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
1	488	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Hữu Bích (lan)	Thôn 5, xã Phù Đổng	216.72	216.72	-	0.00	33,591,600	0	167,958,000				2,167,200	203,716,800	
2	489	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Hữu Bình (đào)	Thôn 5, xã Phù Đổng	216.72	216.72	-	0.00	33,591,600	0	167,958,000				2,167,200	203,716,800	
3	490	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tuyên (linh) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Tuyên (linh)	Thôn 5, xã Phù Đổng	288.96	288.96	-	0.00	44,788,800	0	223,944,000				2,889,600	271,622,400	
4	491	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Quát (Tô)	Thôn 5, xã Phù Đổng	288.96	288.96	-	0.00	44,788,800	0	223,944,000				2,889,600	271,622,400	
5	492	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Sơn (triệu)	Thôn 5, xã Phù Đổng	192.64	192.64	-	0.00	29,859,200	0	149,296,000				1,926,400	181,081,600	
6	495	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thu (Khánh)	Thôn 5, xã Phù Đổng	577.92	577.92	-	0.00	89,577,600	0	447,888,000				5,779,200	543,244,800	
7	496	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Trường (thu)	Thôn 5, xã Phù Đổng	264.88	264.88	-	0.00	41,056,400	0	205,282,000				2,648,800	248,987,200	
8	497	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thuận (khoa)	Thôn 5, xã Phù Đổng	433.44	433.44	-	0.00	67,183,200	0	335,916,000				4,334,400	407,433,600	
9	499	Hộ gia đình ông (bà) Đàm Duy Đình (ngọ) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Đàm Duy Đình (ngọ)	Thôn 5, xã Phù Đổng	288.96	288.96	-	0.00	44,788,800	0	223,944,000				2,889,600	271,622,400	
10	501	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Đỉnh (bé) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Đỉnh (bé)	Thôn 5, xã Phù Đổng	866.88	866.88	-	0.00	134,366,400	0	671,832,000				8,668,800	814,867,200	
11	506	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Dũng (Nguyễn Văn Nguyễn)	Thôn 5, xã Phù Đổng	288.96	288.96	-	0.00	44,788,800	0	223,944,000				2,889,600	271,622,400	
12	507	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Vinh (tuyết) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Vinh (tuyết)	Thôn 5, xã Phù Đổng	722.40	722.40	-	0.00	111,972,000	0	559,860,000				7,224,000	679,056,000	
13	510	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tinh (tám) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Tinh (tám)	Thôn 5, xã Phù Đổng	298.71	298.71	-	0.00	46,300,050	0	231,500,250				2,987,100	280,787,400	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
14	511	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Việt Trinh (Nguyễn Việt Chinh)	Thôn 5, xã Phù Đổng	192.64	192.64	-	0.00	29,859,200	0	149,296,000				1,926,400	181,081,600	
15	512	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thắng (tài)	Thôn 5, xã Phù Đổng	481.60	481.60	-	0.00	74,648,000	0	373,240,000				4,816,000	452,704,000	
16	514	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Được (nghị)	Thôn 5, xã Phù Đổng	240.80	240.80	-	0.00	37,324,000	0	186,620,000				2,408,000	226,352,000	
17	515	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Hào (lý) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Bá Hào (lý)	Thôn 5, xã Phù Đổng	517.65	517.65	-	0.00	80,235,750	0	401,178,750				5,176,500	830,743,800	
	634			429.84	366.12	-	63.72	56,748,600	0	283,743,000				3,661,200		
18	516	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Hà (vân) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Bá Hà (vân)	Thôn 5, xã Phù Đổng	517.65	517.65	-	0.00	80,235,750	0	401,178,750				5,176,500	828,074,200	
	633			429.84	363.28	-	66.56	56,308,400	0	281,542,000				3,632,800		
19	517	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Huyền (Hội)	Thôn 5, xã Phù Đổng	517.65	517.65	-	0.00	80,235,750	0	401,178,750				5,176,500	835,641,200	
	631			429.84	371.33	-	58.51	57,556,150	0	287,780,750				3,713,300		
20	519	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Cơn (hải)	Thôn 5, xã Phù Đổng	633.77	633.77	-	0.00	98,234,350	0	491,171,750				6,337,700	595,743,800	
21	520	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đức Thành (hường)	Thôn 5, xã Phù Đổng	348.00	348.00	-	0.00	53,940,000	0	269,700,000				3,480,000	327,120,000	
22	522	Hộ gia đình ông (bà) Hùng Văn Lợi (dung)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
23	523	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hội (gái) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Hội (gái)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
24	524	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tiến (điều)	Thôn 5, xã Phù Đổng	691.38	691.38	-	0.00	107,163,900	0	535,819,500				6,913,800	649,897,200	
25	525	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đăng Chúc (cao)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
26	526	Hộ gia đình ông (bà) Hoàng Nghĩa Tân (tuýt)	Thôn 5, xã Phù Đổng	633.77	633.77	-	0.00	98,234,350	0	491,171,750				6,337,700	595,743,800	
27	527	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Tiến Du (Nguyễn Văn Du)	Thôn 5, xã Phù Đổng	576.15	576.15	-	0.00	89,303,250	0	446,516,250				5,761,500	541,581,000	
28	528	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Xuân Quyết	Thôn 5, xã Phù Đổng	403.30	403.30	-	0.00	62,511,500	0	312,557,500				4,033,000	379,102,000	
29	529	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thâm (thịnh)	Thôn 5, xã Phù Đổng	576.15	576.15	-	0.00	89,303,250	0	446,516,250				5,761,500	541,581,000	
30	530	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Muồng (thân)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
31	531	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Xuân Dũng (chiến)	Thôn 5, xã Phù Đổng	864.23	864.23	-	0.00	133,955,650	0	669,778,250				8,642,300	812,376,200	
32	532	Hộ gia đình ông (bà) Hùng Xuân Hòa (Hồng)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
33	533	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tuất (thêm)	Thôn 5, xã Phù Đổng	345.69	345.69	-	0.00	53,581,950	0	267,909,750				3,456,900	324,948,600	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thưởng tiền độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
34	534	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Quý (hợp) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Quý (hợp)	Thôn 5, xã Phù Đổng	691.38	691.38	-	0.00	107,163,900	0	535,819,500				6,913,800	649,897,200	
35	536	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Lan (luật)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
36	537	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Xuân Hòa (thành) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Xuân Hòa (thành)	Thôn 5, xã Phù Đổng	1,094.69	1,094.69	-	0.00	169,676,950	0	848,384,750				10,000,000	1,028,061,700	
37	538	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hùng (văn)	Thôn 5, xã Phù Đổng	576.15	576.15	-	0.00	89,303,250	0	446,516,250				5,761,500	541,581,000	
38	539	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Phương (tuyết)	Thôn 5, xã Phù Đổng	576.15	576.15	-	0.00	89,303,250	0	446,516,250				5,761,500	541,581,000	
39	540	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hiến (huê)	Thôn 5, xã Phù Đổng	691.38	691.38	-	0.00	107,163,900	0	535,819,500				6,913,800	649,897,200	
40	542	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Nga (nái)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
41	544	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Thụy (an) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lý Duy Thụy (an)	Thôn 5, xã Phù Đổng	230.46	230.46	-	0.00	35,721,300	0	178,606,500				2,304,600	216,632,400	
42	545	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Tý (nhung) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lý Duy Tý (nhung)	Thôn 5, xã Phù Đổng	576.15	576.15	-	0.00	89,303,250	0	446,516,250				5,761,500	541,581,000	
43	546	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Thân (toàn)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
44	547	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Nhung (bé)	Thôn 5, xã Phù Đổng	320.26	320.26	-	0.00	49,640,300	0	248,201,500				3,202,600	301,044,400	
45	548	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Toàn (lan)	Thôn 5, xã Phù Đổng	533.77	533.77	-	0.00	82,734,350	0	413,671,750				5,337,700	501,743,800	
46	550	Hộ gia đình ông (bà) Hoàng Nghĩa Hiếu (thân)	Thôn 5, xã Phù Đổng	747.27	747.27	-	0.00	115,826,850	0	579,134,250				7,472,700	702,433,800	
47	552	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tân (thu)	Thôn 5, xã Phù Đổng	747.27	747.27	-	0.00	115,826,850	0	579,134,250				7,472,700	702,433,800	
48	553	Hộ gia đình ông (bà) Trần Khắc Thế (được)	Thôn 5, xã Phù Đổng	533.17	533.17	-	0.00	82,641,350	0	413,206,750				5,331,700	501,179,800	
49	554	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hưu (Thạch Công Hưu)	Thôn 5, xã Phù Đổng	351.90	154.20	-	197.70	23,901,000	0	119,505,000				1,542,000	144,948,000	
50	556	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Duyên	Thôn 5, xã Phù Đổng	175.95	9.37	-	166.58	1,452,350	0	7,261,750				93,700	8,807,800	
51	557	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Việt Chiến (Yến)	Thôn 5, xã Phù Đổng	175.95	117.41	-	58.54	18,198,550	0	90,992,750				1,174,100	716,853,400	
	286.56			286.56	-	0.00	44,416,800	0	222,084,000				2,865,600			
	358.64			358.64	-	0.00	55,589,200	0	277,946,000				3,586,400			
52	558	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị	Thôn 5, xã Phù Đổng	175.95	144.84	31.11	0.00	27,272,250	0	136,361,250				1,759,500	636,784,200	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
52	590	Sứu (Háo)	Thôn 5, xã Phù Đổng	501.48	501.48	-	0.00	77,729,400	0	388,647,000				5,014,800	856,784,200	
53	560	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Tiến Lâm (Thông)	Thôn 5, xã Phù Đổng	172.85	172.85	-	0.00	26,791,750	0	133,958,750				1,728,500	162,479,000	
54	561	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Thị Thanh (Tiền)	Thôn 5, xã Phù Đổng	345.69	345.69	-	0.00	53,581,950	0	267,909,750				3,456,900	324,948,600	
55	562	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Xuân (Đoàn) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Xuân (Đoàn)	Thôn 5, xã Phù Đổng	1,037.07	740.37	-	296.70	114,757,350	0	573,786,750				7,403,700	695,947,800	
56	563	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Chát (Chính)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
57	564	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Trường (Tuấn)	Thôn 5, xã Phù Đổng	576.15	188.59	-	387.56	29,231,450	0	146,157,250				1,885,900	177,274,600	
58	565	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thor (Nguyễn Trường Thor)	Thôn 5, xã Phù Đổng	427.01	9.69	-	417.32	1,501,950	0	7,509,750				96,900	9,108,600	
59	566	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn Trường (Hải)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
60	568	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thu (Mười) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Thu (Mười)	Thôn 5, xã Phù Đổng	345.69	345.69	-	0.00	53,581,950	0	267,909,750				3,456,900	324,948,600	
61	569	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Sửu (Mậu) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Sửu (Mậu)	Thôn 5, xã Phù Đổng	460.92	460.92	-	0.00	71,442,600	0	357,213,000				4,609,200	433,264,800	
62	570	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Huyền	Thôn 5, xã Phù Đổng	747.27	745.64	1.63	0.00	115,826,850	0	579,134,250				7,472,700	702,433,800	
63	571	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Mân (Trương)	Thôn 5, xã Phù Đổng	533.17	427.73	-	105.44	66,298,150	0	331,490,750				4,277,300	402,066,200	
64	572	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thi (Lâm)	Thôn 5, xã Phù Đổng	640.52	640.52	-	0.00	99,280,600	0	496,403,000				6,405,200	602,088,800	
65	573	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Mậu (Thuận) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Mậu (Thuận)	Thôn 5, xã Phù Đổng	640.52	640.52	-	0.00	99,280,600	0	496,403,000				6,405,200	602,088,800	
66	574	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Tư (Hùng)	Thôn 5, xã Phù Đổng	854.03	854.03	-	0.00	132,374,650	0	661,873,250				8,540,300	802,788,200	
67	575	Hộ gia đình ông (bà) Đỗ Văn Thiên (Lan)	Thôn 5, xã Phù Đổng	533.17	533.17	-	0.00	82,641,350	0	413,206,750				5,331,700	501,179,800	
68	576	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Minh (Hiện)	Thôn 5, xã Phù Đổng	800.65	259.69	-	540.96	40,251,950	0	201,259,750				2,596,900	244,108,600	
69	577	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thanh (Thắm)	Thôn 5, xã Phù Đổng	800.65	800.65	-	0.00	124,100,750	0	620,503,750				8,006,500	752,611,000	
70	578	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Toàn (Thin)	Thôn 5, xã Phù Đổng	1,174.28	1,174.28	-	0.00	182,013,400	0	910,067,000				10,000,000	1,102,080,400	
71	579	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Huy Chín (Dung)	Thôn 5, xã Phù Đổng	747.27	747.27	-	0.00	115,826,850	0	579,134,250				7,472,700	702,433,800	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
72	580	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Dụ (Bé) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Dụ (Bé)	Thôn 5, xã Phù Đổng	854.03	854.03	-	0.00	132,374,650	0	661,873,250				8,540,300	802,788,200	
73	581	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hiền (Huỳnh)	Thôn 5, xã Phù Đổng	747.01	287.90	-	459.11	44,624,500	0	223,122,500				2,879,000	270,626,000	
74	583	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Nhân (Chắt) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Nhân (Chắt)	Thôn 5, xã Phù Đổng	533.17	533.17	-	0.00	82,641,350	0	413,206,750				5,331,700	501,179,800	
75	584	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tuất (Tuất)	Thôn 5, xã Phù Đổng	640.52	640.52	-	0.00	99,280,600	0	496,403,000				6,405,200	602,088,800	
76	585	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Học (Hưng)	Thôn 5, xã Phù Đổng	1,494.54	1,232.12	-	262.42	190,978,600	0	954,893,000				10,000,000	1,155,871,600	
77	588	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Chín (yên)	Thôn 5, xã Phù Đổng	640.52	640.52	-	0.00	99,280,600	0	496,403,000				6,405,200	602,088,800	
78	589	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Cùn (tân) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Cùn (tân)	Thôn 5, xã Phù Đổng	854.03	854.03	-	0.00	132,374,650	0	661,873,250				8,540,300	802,788,200	
79	591	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Điền (Hùng) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Điền (Hùng)	Thôn 5, xã Phù Đổng	320.26	320.26	-	0.00	49,640,300	0	248,201,500				3,202,600	301,044,400	
80	593	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Xuân Thi (Bình)	Thôn 5, xã Phù Đổng	429.84	377.79	-	52.05	58,557,450	0	292,787,250				3,777,900	355,122,600	
81	594	Hộ gia đình ông (bà) Vũ Thị Tâm (Bình) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Vũ Thị Tâm (Bình)	Thôn 5, xã Phù Đổng	358.20	317.37	40.83	0.00	55,521,000	0	277,605,000				3,582,000	336,708,000	
82	595	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Tiến Phong (Múi)	Thôn 5, xã Phù Đổng	358.20	318.63	39.57	0.00	55,521,000	0	277,605,000				3,582,000	336,708,000	
83	597	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Hoàn (Liên)	Thôn 5, xã Phù Đổng	501.48	464.56	36.92	0.00	77,729,400	0	388,647,000				5,014,800	471,391,200	
84	598	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Hùng (Bích)	Thôn 5, xã Phù Đổng	501.48	457.02	44.46	0.00	77,729,400	0	388,647,000				5,014,800	471,391,200	
85	599	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Linh (Nguyễn Bá Ninh)	Thôn 5, xã Phù Đổng	501.48	452.27	49.21	0.00	77,729,400	0	388,647,000				5,014,800	471,391,200	
86	600	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Khuê (Ti) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Khuê (Ti)	Thôn 5, xã Phù Đổng	358.20	358.20	-	0.00	55,521,000	0	277,605,000				3,582,000	758,110,000	
	1185			448.30	448.30	-	0.00	69,486,500	0	347,432,500				4,483,000		
87	603	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Thanh (Mậu)	Thôn 5, xã Phù Đổng	788.04	786.91	1.13	0.00	122,146,200	0	610,731,000				7,880,400	1,667,842,000	
	1181			986.26	986.26	-	0.00	152,870,300	0	764,351,500				9,862,600		

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
88	604	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tuyên (Dung)	Thôn 5, xã Phù Đổng	429.84	422.10	7.74	0.00	66,625,200	0	333,126,000				4,298,400	909,732,000	
	1182			537.96	537.96	-	0.00	83,383,800	0	416,919,000				5,379,600		
89	606	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đăng Trường (Thoa)	Thôn 5, xã Phù Đổng	214.92	207.46	7.46	0.00	33,312,600	0	166,563,000				2,149,200	454,866,000	
	1184			268.98	268.98	-	0.00	41,691,900	0	208,459,500				2,689,800		
90	607	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Đò (Thần)	Thôn 5, xã Phù Đổng	788.14	764.48	23.66	0.00	122,161,700	0	610,808,500				7,881,400	740,851,600	
91	609	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Sứ (Chung)	Thôn 5, xã Phù Đổng	465.66	465.66	-	0.00	72,177,300	0	360,886,500				4,656,600	437,720,400	
92	611	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thông (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Thông	Thôn 5, xã Phù Đổng	358.20	358.20	-	0.00	55,521,000	0	277,605,000				3,582,000	336,708,000	
93	612	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Kiên (Chinh)	Thôn 5, xã Phù Đổng	945.65	886.68	-	58.97	137,435,400	0	687,177,000				8,866,800	833,479,200	
94	615	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Chúc (Dũng) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Chúc (Dũng)	Thôn 5, xã Phù Đổng	773.71	719.48	-	54.23	111,519,400	0	557,597,000				7,194,800	676,311,200	
95	616	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tuấn (Thần)	Thôn 5, xã Phù Đổng	465.66	465.66	-	0.00	72,177,300	0	360,886,500				4,656,600	437,720,400	
96	619	Hộ gia đình ông (bà) Đặng Văn Minh (Huê)	Thôn 5, xã Phù Đổng	358.20	358.20	-	0.00	55,521,000	0	277,605,000				3,582,000	336,708,000	
97	620	Hộ gia đình ông (bà) Đặng Văn Hùng (Thêm)	Thôn 5, xã Phù Đổng	358.20	358.20	-	0.00	55,521,000	0	277,605,000				3,582,000	336,708,000	
98	621	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Mạnh Tuấn (Anh)	Thôn 5, xã Phù Đổng	286.56	259.07	27.49	0.00	44,416,800	0	222,084,000				2,865,600	269,366,400	
99	623	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Truyền (Nhưng) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Ngọc Truyền (Nhưng)	Thôn 5, xã Phù Đổng	358.20	327.25	30.95	0.00	55,521,000	0	277,605,000				3,582,000	336,708,000	
100	625	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Đình (Thìn)	Thôn 5, xã Phù Đổng	429.84	387.20	42.64	0.00	66,625,200	0	333,126,000				4,298,400	404,049,600	
101	626	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Long (Thìn) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thạc Long (Thìn)	Thôn 5, xã Phù Đổng	358.20	320.65	37.55	0.00	55,521,000	0	277,605,000				3,582,000	336,708,000	
102	627	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thêm (Phan)	Thôn 5, xã Phù Đổng	716.40	630.28	-	86.12	97,693,400	0	488,467,000				6,302,800	592,463,200	
103	628	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tân (Hìn)	Thôn 5, xã Phù Đổng	1,074.60	956.89	-	117.71	148,317,950	0	741,589,750				9,568,900	899,476,600	
104	630	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thành (Hòa)	Thôn 5, xã Phù Đổng	716.40	622.76	-	93.64	96,527,800	0	482,639,000				6,227,600	585,394,400	
105	638	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Sứ (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Sứ	Thôn 5, xã Phù Đổng	661.44	661.44	-	0.00	102,523,200	0	512,616,000				6,614,400	621,753,600	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
106	640	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thăng (can)	Thôn 5, xã Phù Đổng	220.48	220.48	-	0.00	34,174,400	0	170,872,000				2,204,800	207,251,200	
107	641	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thuộc	Thôn 5, xã Phù Đổng	110.24	110.24	-	0.00	17,087,200	0	85,436,000				1,102,400	103,625,600	
108	642	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hằng(Hân)	Thôn 5, xã Phù Đổng	385.84	385.84	-	0.00	59,805,200	0	299,026,000				3,858,400	362,689,600	
109	644	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đức Hân (Hằng)	Thôn 5, xã Phù Đổng	496.08	496.08	-	0.00	76,892,400	0	384,462,000				4,960,800	466,315,200	
110	647	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Đức (Liên) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Đức (Liên)	Thôn 5, xã Phù Đổng	440.96	440.96	-	0.00	68,348,800	0	341,744,000				4,409,600	414,502,400	
111	650	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình Tiểu	Thôn 5, xã Phù Đổng	275.60	275.60	-	0.00	42,718,000	0	213,590,000				2,756,000	259,064,000	
112	651	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Như Giang (Thư)	Thôn 5, xã Phù Đổng	220.48	220.48	-	0.00	34,174,400	0	170,872,000				2,204,800	207,251,200	
113	1159	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình Dũng(Yến)	Thôn 5, xã Phù Đổng	822.16	822.16	-	0.00	127,434,800	0	637,174,000				8,221,600	772,830,400	
114	1160	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Bạt	Thôn 5, xã Phù Đổng	437.81	437.81	-	0.00	67,860,550	0	339,302,750				4,378,100	411,541,400	
115	1162	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Sinh (Ký)	Thôn 5, xã Phù Đổng	31.28	31.28	-	0.00	4,848,400	0	24,242,000				312,800	29,403,200	
116	1164	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Phong (Hòa)	Thôn 5, xã Phù Đổng	409.60	409.60	-	0.00	63,488,000	0	317,440,000				4,096,000	385,024,000	
117	1167	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Lý(cần)	Thôn 5, xã Phù Đổng	722.91	722.91	-	0.00	112,051,050	0	560,255,250				7,229,100	679,535,400	
118	1168	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Công Sáu(ngũ)	Thôn 5, xã Phù Đổng	516.37	516.37	-	0.00	80,037,350	0	400,186,750				5,163,700	485,387,800	
119	1169	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Bình(chất) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Bình(chất)	Thôn 5, xã Phù Đổng	776.47	776.47	-	0.00	120,352,850	0	601,764,250				7,764,700	729,881,800	
120	1170	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Dân(kiểm) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Dân(kiểm)	Thôn 5, xã Phù Đổng	517.65	517.65	-	0.00	80,235,750	0	401,178,750				5,176,500	486,591,000	
121	1172	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thìn	Thôn 5, xã Phù Đổng	603.92	603.92	-	0.00	93,607,600	0	468,038,000				6,039,200	567,684,800	
122	1173	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Đồng (xuyến)	Thôn 5, xã Phù Đổng	301.96	301.96	-	0.00	46,803,800	0	234,019,000				3,019,600	283,842,400	
123	1174	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Đoàn(mai)	Thôn 5, xã Phù Đổng	301.96	301.96	-	0.00	46,803,800	0	234,019,000				3,019,600	283,842,400	
124	1175	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Lâm(Nhân)	Thôn 5, xã Phù Đổng	431.37	431.37	-	0.00	66,862,350	0	334,311,750				4,313,700	405,487,800	
125	1176	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Thanh (thăng)	Thôn 5, xã Phù Đổng	258.83	258.83	-	0.00	40,118,650	0	200,593,250				2,588,300	243,300,200	
126	1177	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Diệm (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Diệm	Thôn 5, xã Phù Đổng	258.83	258.83	-	0.00	40,118,650	0	200,593,250				2,588,300	243,300,200	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
127	1178	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Cỏ (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Cỏ	Thôn 5, xã Phù Đổng	949.02	949.02	-	0.00	147,098,100	0	735,490,500				9,490,200	892,078,800	
128	1186	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thi(thu)	Thôn 5, xã Phù Đổng	806.94	806.94	-	0.00	125,075,700	0	625,378,500				8,069,400	758,523,600	
129	1187	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Nghĩa(thoa)	Thôn 5, xã Phù Đổng	690.19	690.19	-	0.00	106,979,450	0	534,897,250				6,901,900	648,778,600	
130	1188	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thụy (thường)	Thôn 5, xã Phù Đổng	733.33	733.33	-	0.00	113,666,150	0	568,330,750				7,333,300	689,330,200	
131	1189	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Bé	Thôn 5, xã Phù Đổng	521.91	369.85	-	152.06	57,326,750	0	286,633,750				3,698,500	347,659,000	
132	1191	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thành	Thôn 5, xã Phù Đổng	733.33	733.33	-	0.00	113,666,150	0	568,330,750				7,333,300	689,330,200	
133	1193	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tuất(sáu)	Thôn 5, xã Phù Đổng	691.17	691.17	-	0.00	107,131,350	0	535,656,750				6,911,700	649,699,800	
134	1194	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tân (Nhâm,son)	Thôn 5, xã Phù Đổng	465.88	465.88	-	0.00	72,211,400	0	361,057,000				4,658,800	437,927,200	
135	1197	Hộ gia đình ông (bà) Thạch Văn An (Tâm)	Thôn 5, xã Phù Đổng	538.38	538.38	-	0.00	83,448,900	0	417,244,500				10,000,000	945,012,700	
	555			175.95	37.17	-	138.78	5,761,350	0	28,806,750						
	613			429.84	405.67	24.17	0.00	66,625,200	0	333,126,000						
Tổng				75,725.80	71,444.60	446.52	3,834.68	11,143,123,600	0	55,715,618,000	0	0	0	713,846,400	67,572,588,000	